

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2007

V/v hướng dẫn cách xác định số
sinh viên, học sinh quy đổi trên 1
giảng viên, giáo viên quy đổi

- Kính gửi: - Các Bộ, Ngành; cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các cơ sở giáo dục đại học, trường trung cấp chuyên nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 693/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, quy trình đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh và kiểm tra việc thực hiện các quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp năm 2007; Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách xác định số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi như sau:

1. Quy định chung

1.1. Sinh viên, học sinh quy đổi được hiểu là số sinh viên đại học, cao đẳng, học sinh trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú đã quy đổi về sinh viên, học sinh chính quy.

1.2. Giảng viên quy đổi được hiểu là số giảng viên cơ hữu, giảng viên hợp đồng dài hạn, giảng viên thỉnh giảng được quy đổi dựa vào chức danh (giáo sư, phó giáo sư) học vị (tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng. Mỗi giảng viên chỉ được xem xét một lần theo chức danh hoặc trình độ (ví dụ: một giảng viên là phó giáo sư - tiến sĩ thì chỉ lấy chức danh phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ để quy đổi).

1.3. Thời điểm xác định quy mô sinh viên, học sinh quy đổi và quy mô giảng viên, giáo viên quy đổi là ngày 01 tháng 01 năm 2007.

1.4. Số lượng giảng viên cơ hữu của một cơ sở đào tạo phải đảm bảo tối thiểu 60% khối lượng giảng dạy của cơ sở đào tạo.

1.5. Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo liên thông, đào tạo bằng hai trong 1 năm của cơ sở đào tạo:

- Không vượt quá 70% tổng số chỉ tiêu chính quy đối với các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng kinh tế, tài chính, ngân hàng, văn hoá, du lịch, báo chí, thư viện, khoa học xã hội nhân văn, pháp lý, hành chính, kinh tế - kỹ thuật, đa ngành, sư phạm.

- Không vượt quá 90% tổng số chỉ tiêu chính quy đối với các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng kỹ thuật, công nghệ, nông lâm ngư, thủy lợi, khoa học tự nhiên, giao thông, xây dựng, mỏ địa chất.

- Không vượt quá 40% tổng số chỉ tiêu chính quy đối với các cơ sở đào tạo y dược (theo Chỉ thị số 06/2006/CT-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

1.6. Mỗi giảng viên có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, có chức danh phó giáo sư, giáo sư được hướng dẫn số nghiên cứu sinh tối đa như sau:

Số thứ tự	Trình độ giảng viên	Số nghiên cứu sinh được hướng dẫn trong cùng 1 thời gian
1	Tiến sĩ (sau 3 năm nhận học vị tiến sĩ).	≤ 3
2	Tiến sĩ khoa học	≤ 5
3	Phó giáo sư	≤ 3
4	Giáo sư	≤ 5

1.7. Các cơ sở đào tạo thạc sĩ trong 1 năm chỉ được đào tạo số học viên tối đa bằng 4 lần số giảng viên quy đổi về giảng viên có trình độ tiến sĩ.

2. Cách xác định số sinh viên, học sinh quy đổi

2.1. Số sinh viên đại học, cao đẳng, học sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy học viên, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú được quy đổi theo các hệ số như sau:

Số thứ tự	Đối tượng đào tạo	Hệ số quy đổi đối với các cơ sở đào tạo		
		Cơ sở đào tạo đại học	Cơ sở đào tạo cao đẳng	Cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp
1	Sinh viên đại học	1,0	-	-
2	Sinh viên cao đẳng	0,8	1,0	
3	Học sinh trung cấp chuyên nghiệp	0,5	0,5	1,0
4	Học viên, bác sĩ chuyên khoa cấp 1	1,5	-	-
5	Nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú	2,0	-	-

2.2. Quy mô sinh viên, học sinh quy đổi theo các hệ số trên tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2007 được tính như sau:

a) Đối với cơ sở đào tạo trình độ đại học:

Quy mô sinh viên quy đổi = (Số sinh viên đại học chính quy) + 0,8 x (Số sinh viên cao đẳng chính quy) + 0,5 x (Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy) + 1,5 x (Số học viên cao

học, bác sĩ chuyên khoa cấp 1) + 2 x (Số nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú)

b) Đối với cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng:

Quy mô sinh viên quy đổi = (Số sinh viên cao đẳng chính quy) + 0,5 x (Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy)

c) Đối với cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp:

Quy mô học sinh quy đổi = Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy

3. Cách xác định số giảng viên, giáo viên quy đổi

3.1. Hệ số quy đổi đối với giảng viên, giáo viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn và thỉnh giảng như sau:

Số thứ tự	Giảng viên, giáo viên	Hệ số quy đổi
1	Giảng viên, giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	1,0
2	Giảng viên, giáo viên kiêm nhiệm (là cán bộ quản lý ở các phòng, ban của cơ sở đào tạo tham gia giảng dạy)	0,3
3	Giảng viên, giáo viên thỉnh giảng	0,2

3.2. Hệ số quy đổi giảng viên theo chức danh, học vị và trình độ

a) Đối với đào tạo thạc sĩ

Để xác định quy mô đào tạo thạc sĩ phù hợp với năng lực hướng dẫn của giảng viên, các giảng viên có trình độ thạc sĩ, học vị tiến sĩ khoa học, có chức danh phó giáo sư, giáo sư được quy đổi về giảng viên có học vị tiến sĩ theo các hệ số như sau:

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh của giảng viên	Hệ số quy đổi
1	Giảng viên là thạc sĩ	0,5
2	Giảng viên là tiến sĩ	1,0
3	Giảng viên là phó giáo sư	2,0
4	Giảng viên là tiến sĩ khoa học	3,0
5	Giảng viên là giáo sư	3,0

Tổng số giảng viên quy đổi đối với đào tạo cao học được tính như sau:

Tổng số giảng viên quy đổi = $GC_1 + GC_2 + GC_3$

Trong đó:

- GC_1 là tổng số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GC_1 = [(0,5 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là thạc sĩ}) + (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ}) + 2 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là}$

phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ khoa học + Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là giáo sư]

- GC_2 là tổng số giảng viên kiêm nhiệm đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GC_2 = 0,3 \times [(0,5 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là thạc sĩ}) + (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ}) + 2 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là phó giáo sư}) + 3 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ khoa học} + \text{Số giảng viên kiêm nhiệm là giáo sư})]$

- GC_3 là tổng số giảng viên thỉnh giảng đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GC_3 = 0,2 \times [(0,5 \times (\text{Số giảng viên thỉnh giảng là thạc sĩ}) + (\text{Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ}) + 2 \times (\text{Số giảng viên thỉnh giảng là phó giáo sư}) + 3 \times (\text{Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ khoa học} + \text{Số giảng viên thỉnh giảng là giáo sư})]$

b) Đối với đào tạo đại học, cao đẳng: Để xác định qui mô đào tạo đại học, cao đẳng phù hợp với năng lực giảng dạy của giảng viên, các giảng viên có trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, chức danh phó giáo sư, giáo sư được quy đổi theo các hệ số như sau:

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh của giảng viên	Hệ số quy đổi đối với cơ sở đào tạo đại học	Hệ số quy đổi đối với cơ sở đào tạo cao đẳng
1	Giảng viên có trình độ cao đẳng	0,5	1,0
2	Giảng viên có trình độ đại học	1,0	1,0
3	Giảng viên là thạc sĩ	1,3	1,3
4	Giảng viên là tiến sĩ	2,0	2,0
5	Giảng viên là phó giáo sư	2,5	2,5
6	Giảng viên là tiến sĩ khoa học	3,0	3,0
7	Giảng viên là giáo sư	3,0	3,0

b1) Tổng số giảng viên quy đổi đối với đào tạo đại học được tính như sau:

$$\text{Tổng số giảng viên quy đổi} = GD_1 + GD_2 + GD_3$$

Trong đó:

- GD_1 là tổng số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GD_1 = 0,5 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ cao đẳng}) + (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ đại học}) + 1,3 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là thạc sĩ}) + 2 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ}) + 2,5 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là phó giáo sư}) + 3 \times (\text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ khoa học} + \text{Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là giáo sư})$

- GD_2 là tổng số giảng viên kiêm nhiệm đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GD_2 = 0,3 \times [0,5 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm có trình độ cao đẳng}) + (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm có trình độ đại học}) + 1,3 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là thạc sĩ}) + 2 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ}) + 2,5 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là phó giáo sư}) + 3 \times (\text{Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ khoa học} + \text{Số giảng viên kiêm nhiệm là giáo sư})]$

viên kiêm nhiệm là tiến sĩ) + 2,5 x (Số giảng viên kiêm nhiệm phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ khoa học + Số giảng viên kiêm nhiệm là giáo sư).

- **GD₃** là tổng số giảng viên thỉnh giảng đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

- **GD₃** = 0,2 x [0,5 x (Số giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao đẳng) + (Số giảng viên thỉnh giảng có trình độ đại học + 1,3 x (Số giảng viên thỉnh giảng là thạc sĩ) + 2 x (Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ) + 2,5 x (Số giảng viên thỉnh giảng là phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ khoa học + Số giảng viên thỉnh giảng là giáo sư)].

b2) Tổng số giảng viên quy đổi đối với cơ sở đào tạo cao đẳng được tính như sau:

$$\text{Tổng số giảng viên quy đổi} = \text{GCđ}_1 + \text{GCđ}_2 + \text{GCđ}_3$$

Trong đó:

- **GCđ₁** là tổng số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

GCđ₁ = (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ cao đẳng + Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ đại học) + 1,3 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là thạc sĩ) + 2 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ) + 2,5 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là giáo sư + Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ khoa học).

- **GCđ₂** là tổng số giảng viên kiêm nhiệm đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

GCđ₂ = 0,3 x [(Số giảng viên kiêm nhiệm có trình độ cao đẳng + Số giảng viên kiêm nhiệm có trình độ đại học) + 1,3 x (Số giảng viên kiêm nhiệm là thạc sĩ) + 2 x (Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ) + 2,5 x (Số giảng viên kiêm nhiệm phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên kiêm nhiệm là tiến sĩ khoa học + Số giảng viên kiêm nhiệm là giáo sư)].

GCđ₃ là tổng số giảng viên thỉnh giảng đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

GCđ₃ = 0,2 x [(Số giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao đẳng + Số giảng viên thỉnh giảng có trình độ đại học + 1,3 x (Số giảng viên thỉnh giảng là thạc sĩ) + 2 x (Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ) + 2,5 x (Số giảng viên thỉnh giảng là phó giáo sư) + 3 x (Số giảng viên thỉnh giảng là tiến sĩ khoa học + Số giảng viên thỉnh giảng là giáo sư)].

c) Đối với cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp

Để xác định qui mô đào tạo trung cấp chuyên nghiệp phù hợp với năng lực giảng dạy của giáo viên, các giảng viên có trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, chức danh phó giáo sư, giáo sư được quy đổi theo các hệ số như sau:

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh của giáo viên, giảng viên	Hệ số quy đổi đối với cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp
1	Giáo viên có trình độ trung cấp	1,0
2	Giáo viên có trình độ cao đẳng	1,2
3	Giáo viên là đại học	1,3
4	Giáo viên là thạc sĩ	1,5

5	Giáo viên là tiến sĩ	2,0
6	Giáo viên là phó giáo sư	3,0
7	Giáo viên là giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học	4,0

Tổng số giáo viên quy đổi đối với đào tạo trung cấp chuyên nghiệp được tính như sau:

$$\text{Tổng số giáo viên quy đổi} = GTr_1 + GTr_2 + GTr_3$$

Trong đó:

- GTr_1 là tổng số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy đã quy đổi theo trình độ.

$GTr_1 = (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ trung cấp}) + 1,2 \times (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ cao đẳng}) + 1,3 \times (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ đại học}) + 1,5 \times (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là thạc sĩ}) + 2 \times (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ}) + 3 \times (\text{Số giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là phó giáo sư}).$

- GTr_2 là tổng số giáo viên kiêm nhiệm đã quy đổi theo trình độ.

$GTr_2 = 0,3 \times [(\text{Số giáo viên kiêm nhiệm có trình độ trung cấp}) + 1,2 \times (\text{Số giáo viên kiêm nhiệm có trình độ cao đẳng}) + 1,3 \times (\text{Số giáo viên kiêm nhiệm có trình độ đại học}) + 1,5 \times (\text{Số giáo viên kiêm nhiệm là thạc sĩ}) + 2 \times (\text{Số giáo viên kiêm nhiệm là tiến sĩ}) + 3 \times (\text{Số giáo viên kiêm nhiệm là phó giáo sư})].$

- GTr_3 là tổng số giáo viên thỉnh giảng đã quy đổi theo trình độ hoặc chức danh.

$GTr_3 = 0,2 \times [(\text{Số giáo viên thỉnh giảng có trình độ trung cấp}) + 1,2 \times (\text{Số giáo viên thỉnh giảng có trình độ cao đẳng}) + 1,3 \times (\text{Số giáo viên thỉnh giảng có trình độ đại học}) + 1,5 \times (\text{Số giáo viên thỉnh giảng là thạc sĩ}) + 2 \times (\text{Số giáo viên thỉnh giảng là tiến sĩ}) + 3 \times (\text{Số giáo viên thỉnh giảng là phó giáo sư})].$

4. Tiêu chí số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi và dự kiến các năm áp dụng.

Căn cứ vào số liệu thống kê năm 2006 của các cơ sở đào tạo, tiêu chí số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi theo nhóm cơ sở đào tạo năm 2007 và dự kiến từ năm 2010 và đến năm 2012 như sau:

Số thứ tự	Cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2012
1	Các cơ sở đào tạo kỹ thuật, công nghệ, nông lâm ngư, thủy lợi, khoa học tự nhiên, giao thông, xây dựng, mỏ địa chất	≤ 20	≤ 17	≤ 15
2	Các cơ sở đào tạo kinh tế, tài chính, ngân hàng, văn hóa, du lịch, báo chí, thư viện, khoa học xã hội nhân văn, pháp lý, hành chính	≤ 25	≤ 22	≤ 18
3	Các cơ sở đào tạo kinh tế - kỹ thuật, đa	≤ 22	≤ 18	≤ 15

	ngành, sư phạm			
4	Các cơ sở đào tạo nghệ thuật, thể dục thể thao	≤ 15	≤ 12	≤ 10
5	Các cơ sở đào tạo y dược:			
	- Cơ sở đào tạo đại học	≤ 10	≤ 8	≤ 5
	- Cơ sở đào tạo cao đẳng	≤ 15	≤ 12	≤ 8

Số thứ tự	Cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2012
1	1. Các cơ sở đào tạo kỹ thuật, công nghệ, xây dựng, cơ khí giao thông, điện - điện tử	≤ 25	≤ 20	≤ 15
2	2. Các cơ sở đào tạo kinh tế, tài chính, ngân hàng, văn hóa, du lịch, báo chí, thư viện, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm	≤ 30	≤ 25	≤ 20
3	3. Các cơ sở đào tạo y dược, nghệ thuật, thể dục thể thao	≤ 20	≤ 15	≤ 10

Ghi chú: Các cơ sở đào tạo khối quốc phòng, an ninh tham gia đào tạo cho các ngành kinh tế - xã hội khác cũng áp dụng các tiêu chí trên.

5. Cách tính số chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007

5.1. Xác định tổng chỉ tiêu sinh viên, học sinh quy đổi năm 2007.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, tổng chỉ tiêu tuyển sinh nghiên cứu sinh, cao học, bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (đã quy đổi) năm 2007 của cơ sở đào tạo không vượt quá tổng chỉ tiêu sinh viên quy đổi năm 2007 (ký hiệu là S) được xác định theo công thức sau:

$$S = Q_m - Q_t + S_t$$

Trong đó:

- S là tổng chỉ tiêu sinh viên, học sinh quy đổi năm 2007 mà cơ sở có thể tuyển sinh.
 - Q_m là quy mô sinh viên, học sinh quy đổi theo tiêu chí sinh viên, học sinh quy đổi/giảng viên, giáo viên quy đổi ($Q_m = \text{Số giảng viên, giáo viên quy đổi} \times \text{Tiêu chí nêu tại điểm 4}$).
 - Q_t là quy mô sinh viên, học sinh quy đổi tính tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2007, theo mục 2.2.
 - S_t là số sinh viên, học sinh quy đổi dự kiến tốt nghiệp trong năm 2007.
- a) Nếu $S \leq 0$, thì cơ sở đào tạo chỉ được đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007 tối đa bằng năm 2006. Nếu năm 2008, cơ sở đào tạo không tăng cường thêm lực lượng giảng viên, thì chỉ tiêu tuyển sinh phải giảm so với năm 2007.
- b) Nếu $S > 0$, thì tổng số chỉ tiêu tuyển sinh (đã quy đổi) của cơ sở sẽ được tăng thêm nhưng không quá S và không quá 10% so với năm 2006.

c) Các cơ sở đào tạo các ngành trọng điểm, ngành xã hội có nhu cầu, ngành thuộc các lĩnh vực ưu tiên được áp dụng tỷ lệ tăng cao hơn, nhưng không quá 15% chỉ tiêu tuyển sinh của năm 2006 và phải có văn bản thuyết minh cụ thể.

5.2. Cách xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các trình độ đào tạo.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ trong tổng chỉ tiêu sinh viên quy đổi năm 2007.

- Quy mô nghiên cứu sinh của một cơ sở đào tạo được xác định như sau:

Quy mô nghiên cứu sinh theo quy định $\leq 3 \times (\text{Số giảng viên là tiến sĩ} + \text{Số giảng viên là phó giáo sư}) + 5 \times (\text{Số giảng viên là tiến sĩ khoa học} + \text{Số giảng viên là giáo sư}).$

- Nếu quy mô nghiên cứu sinh hiện có của cơ sở đào tạo lớn hơn hoặc bằng quy mô nghiên cứu sinh theo quy định xác định tại công thức trên, thì chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ năm 2007 của cơ sở đào tạo tối đa bằng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ của năm 2006.

- Nếu quy mô nghiên cứu sinh hiện có của cơ sở đào tạo nhỏ hơn quy mô nghiên cứu sinh theo quy định, thì chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ năm 2007 của cơ sở đào tạo tối đa là T, trong đó T được xác định như sau:

$T \leq \text{Quy mô nghiên cứu sinh theo quy định} - \text{Quy mô nghiên cứu sinh hiện có} + \text{Số nghiên cứu sinh dự kiến tốt nghiệp trong năm 2007}$

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ trong tổng chỉ tiêu sinh viên quy đổi năm 2007.

- Nếu quy mô học viên hiện có của cơ sở đào tạo lớn hơn hoặc bằng 4 lần số giảng viên quy đổi, thì số chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ năm 2007 của cơ sở đào tạo tối đa bằng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ của năm 2006.

- Nếu quy mô học viên hiện có của cơ sở đào tạo thấp hơn 4 lần số giảng viên quy đổi thì chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ năm 2007 của cơ sở đào tạo tối đa là C, trong đó C được xác định như sau:

$C \leq 4 \times (\text{Số giảng viên quy đổi}) - \text{Quy mô học viên hiện có} + \text{Số học viên dự kiến tốt nghiệp trong năm 2007}$

c) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy trong tổng chỉ tiêu sinh viên quy đổi năm 2007.

Đối với các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp: Chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp chính quy được xác định theo các tiêu chí tại mục 4 và số lượng giáo viên quy đổi tại mục c của 3.2;

- Đối với các cơ sở đào tạo trình độ đại học, cao đẳng: Căn cứ nhu cầu thực tế xã hội, khả năng của cơ sở đào tạo và cân đối giữa các trình độ đào tạo trong cơ sở đào tạo các cơ sở đào tạo tự xác định số lượng chỉ tiêu quy đổi tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp năm 2007.

d) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng chính quy trong tổng chỉ tiêu sinh viên quy đổi năm 2007.

- Đối với các cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng: Chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng chính quy được xác định theo các tiêu chí tại mục 4 và số lượng giảng viên quy đổi tại mục b của 3.2;

- Đối với các cơ sở đào tạo trình độ đại học: Căn cứ nhu cầu thực tế xã hội, khả năng của cơ sở đào tạo và cân đối giữa các trình độ đào tạo trong cơ sở đào tạo, các cơ sở đào tạo tự xác định số lượng chỉ tiêu tuyển sinh quy đổi tuyển sinh cao đẳng năm 2007.

đ) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy trong tổng chỉ tiêu sinh viên, học sinh quy đổi năm 2007.

Sau khi đã xác định được tổng chỉ tiêu tuyển sinh quy đổi năm 2007 và chỉ tiêu tuyển sinh nghiên cứu sinh, cao học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, thì chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học chính quy được xác định như sau:

$$\mathcal{D} \leq S - [2 \times T] + (1,5 \times C) + (0,8 \times Cđ) + (0,5 \times Tr)]$$

Trong đó:

- $\mathcal{D}$ là số chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng quy đổi năm 2007.
- T là số chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đã xác định tại mục a của 5.2
- C là số chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đã xác định tại mục b của 5.2.
- $Cđ$ là số chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng đã xác định tại mục d của 5.2.
- Tr là số chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp đã xác định tại mục c của 5.2.

e) Đối với các cơ sở đào tạo có số sinh viên, học viên quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi thấp hơn mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007 được tăng so với năm 2006, nhưng phải đảm bảo không vượt quá quy định tại điểm đ của 5.2 và không quá 10% chỉ tiêu tuyển sinh năm 2006.

g) Đối với các cơ sở đào tạo mới tuyển sinh năm thứ nhất, thì chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007 được tính theo đúng tiêu chí số sinh viên, học sinh quy đổi trên giảng viên, giáo viên quy đổi.

5.3. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông:

Điều kiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông xác định theo chỉ tiêu tuyển sinh chính quy		
	Cơ sở đào tạo kỹ thuật, công nghệ, giao thông sư phạm, nghệ thuật, thể dục thể thao	Cơ sở đào tạo kinh tế, tài chính, ngân hàng, xã hội nhân văn, pháp lý, văn hoá, du lịch	Cơ sở đào tạo y dược
Số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi thấp hơn hoặc bằng tiêu chí quy định	$\leq 90\%$ tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy	$\leq 70\%$ tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy	$\leq 40\%$ tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy
Số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy	Cứ 1% số sinh viên, học viên quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi cao hơn so với tiêu chí quy định, thì		

đôi cao hơn tiêu chí quy định	tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông sẽ giảm đi 1% (đối với các cơ sở đào tạo kỹ thuật, công nghệ, giao thông, sư phạm, nghệ thuật, thể dục thể thao) và 0,5% (đối với các cơ sở đào tạo kinh tế, tài chính, ngân hàng, xã hội nhân văn, pháp lý, văn hoá, du lịch) so với tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy.
-------------------------------	---

Ví dụ:

(1) Cơ sở A đào tạo trình độ đại học kỹ thuật, có số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi là 25, so với tiêu chí số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi đối với ngành kỹ thuật là 20, thì cơ sở A đã có số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi cao hơn 5 (cao hơn 25%) so với quy định.

Giả sử cơ sở A, năm 2007 được tuyển 1.000 sinh viên chính quy, thì tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông của cơ sở A tối đa là 900 chỉ tiêu ($1.000 \times 90\% = 900$). Do cơ sở vượt quá 25% so với quy định nên tổng chỉ tiêu theo hình thức vừa làm vừa học phải giảm đi 25% so với tổng chỉ tiêu chính quy, tức là giảm 250 chỉ tiêu. Như vậy cơ sở A chỉ được tuyển 650 chỉ tiêu vừa làm vừa học ($900 - 250 = 650$).

(2) Cơ sở B đào tạo trình độ đại học y dược, có số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi là 12, so với tiêu chí số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi đối với ngành y dược là 10, thì cơ sở B đã có số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi cao hơn 2 (cao hơn 20%) so với quy định.

Giả sử cơ sở B, năm 2007 được tuyển 500 sinh viên chính quy, thì tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông của cơ sở B tối đa là 200 chỉ tiêu ($500 \times 40\%$). Do cơ sở vượt quá 20% nên tổng chỉ tiêu theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông giảm đi 20% so với tổng chỉ tiêu chính quy, tức là giảm 100 chỉ tiêu. Như vậy cơ sở B chỉ được tuyển 100 chỉ tiêu theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo bằng hai, đào tạo liên thông ($200 - 100 = 100$).

kt. Bộ trưởng
Thứ trưởng

Bành Tiến Long

Bộ, NGÀNH.....
Cơ sở đào tạo.....

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng 02 năm 2007

BIỂU MẪU

Báo cáo số lượng giảng viên, quy mô học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007

Biểu 1: Số lượng giảng viên tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2007)

Số thứ tự	Giảng viên	Tổng số	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
	Cộng									
1	Giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy									
2	Giảng viên kiêm nhiệm									
3	Giảng viên thỉnh giảng									

Biểu 2: Số lượng giảng viên sau khi quy đổi

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh	Số giảng viên đã quy đổi			
		Tổng số giảng viên đã quy đổi	Giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm	Giảng viên thỉnh giảng
	Cộng				
1	Giáo sư				
2	Phó giáo sư				
3	Tiến sĩ khoa học				
4	Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú				

5	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1				
6	Tiến sĩ				
7	Thạc sĩ				
8	Đại học				
9	Cao đẳng				
10	Trung cấp				

Biểu 3: Quy mô học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2007 và dự kiến số học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa tốt nghiệp trong năm 2007

Số thứ tự	Loại hình đào tạo	Quy mô hiện có tính tại thời điểm ngày 01/01/2007	Dự kiến số tốt nghiệp trong năm 2007	Ghi chú
1	Sau đại học:			
	- Tiến sĩ			
	- Thạc sĩ			
	- Bác sĩ chuyên khoa cấp 1			
	- Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú			
2	Đại học:			
	- Chính quy			
	- Vừa làm vừa học			
	- Bằng hai			
	- Liên thông			
3	Cao đẳng:			
	- Chính quy			
	- Vừa làm vừa học			
	- Liên thông			
4	Trung cấp chuyên nghiệp:			
	- Chính quy			
	- Vừa làm vừa học			
5	Đào tạo khác			

	- Dự bị đại học, cao đẳng			
	- Năng khiếu			
	- Dân tộc nội trú			

Biểu 4: Số lượng học sinh, sinh viên học viên cao học, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa sau khi quy đổi

Số thứ tự	Học sinh, sinh viên, học viên cao học, bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú, nghiên cứu sinh	Số sinh viên đã quy đổi
	Cộng	
1	Nghiên cứu sinh	
2	Cao học	
3	Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú	
4	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1	
5	Sinh viên đại học chính quy	
6	Sinh viên cao đẳng chính quy	
7	Học sinh trung cấp chuyên nghiệp	

Biểu 5: Thuyết minh cách xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007

- Lựa chọn số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi:
- Về ngành nghề đào tạo:
 - Ngành trọng điểm;
 - Ngành thuộc lĩnh vực ưu tiên
 - Ngành xã hội có nhu cầu
- Về chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007:
 - Thuyết minh số lượng sinh viên chính quy tăng: Lý do tăng? tỷ lệ tăng so với năm 2006;
 - Thuyết minh chỉ tiêu tuyển sinh vừa làm vừa học, bằng hai, liên thông (ghi rõ số lượng và tỷ lệ % tăng so với năm 2006 của từng loại).

Biểu 6: Tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007

Các loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2006	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2007	So sánh của năm 2007 với năm 2006 (%)
1. Sau đại học: - Nghiên cứu sinh - Cao học			

- Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 - Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú			
2. Đại học: - Hệ chính quy - Hệ vừa làm vừa học - Bằng hai - Liên thông			
3. Cao đẳng: - Hệ chính quy - Hệ vừa làm vừa học - Liên thông			
4. Trung cấp chuyên nghiệp: - Hệ chính quy - Hệ vừa làm vừa học			
5. Đào tạo khác - Dự bị đại học, cao đẳng - Năng khiếu - Dân tộc nội trú			

(Báo cáo gửi về: Cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 16 tháng 02 năm 2007)

....., ngày tháng 02 năm 2007

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu